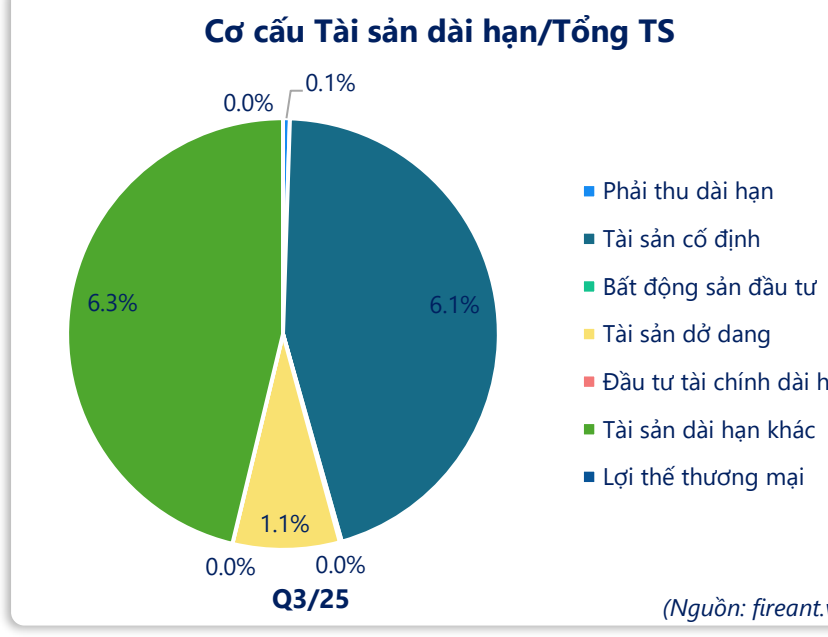
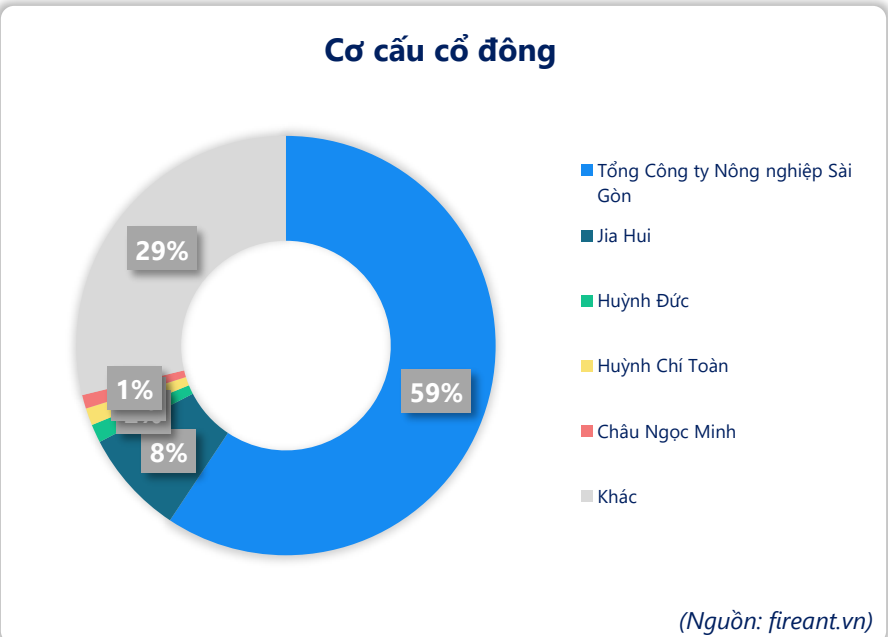
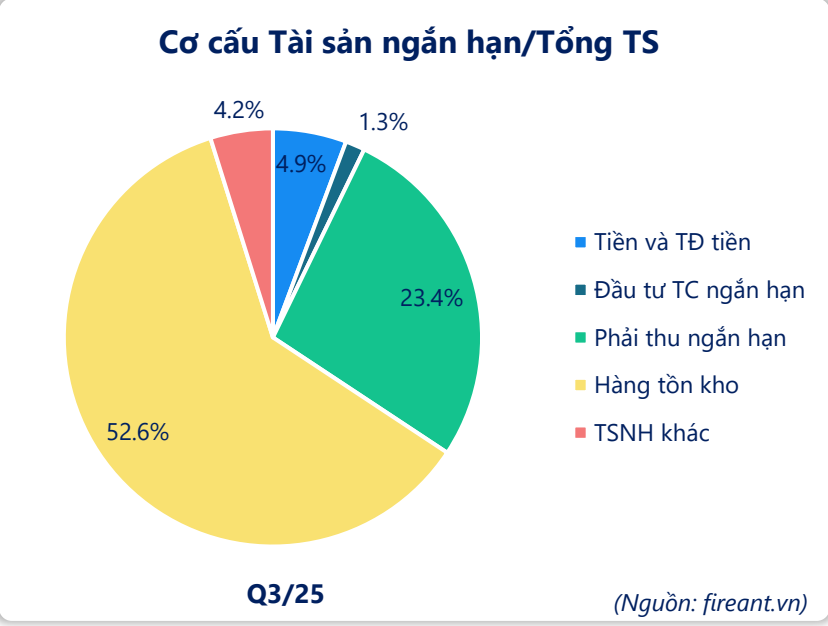
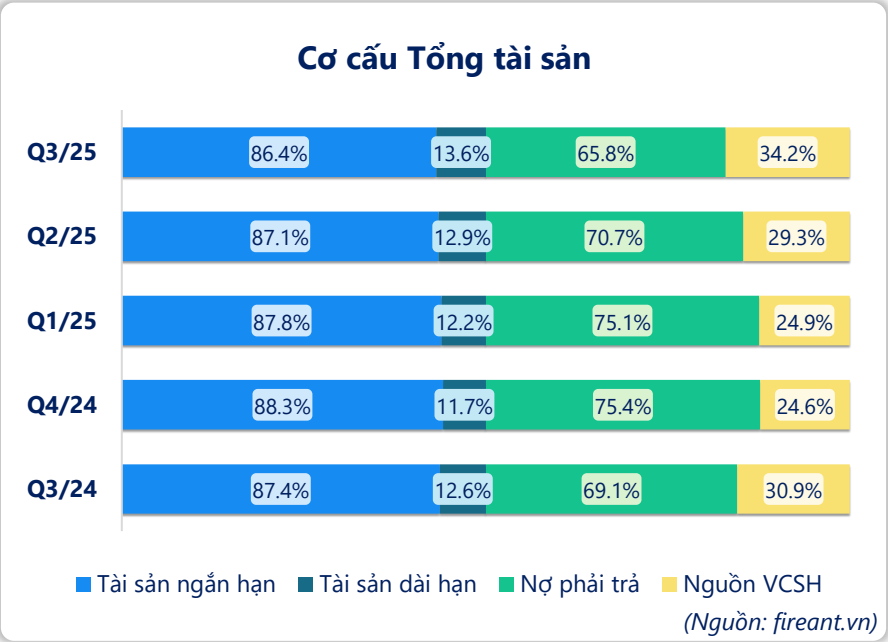
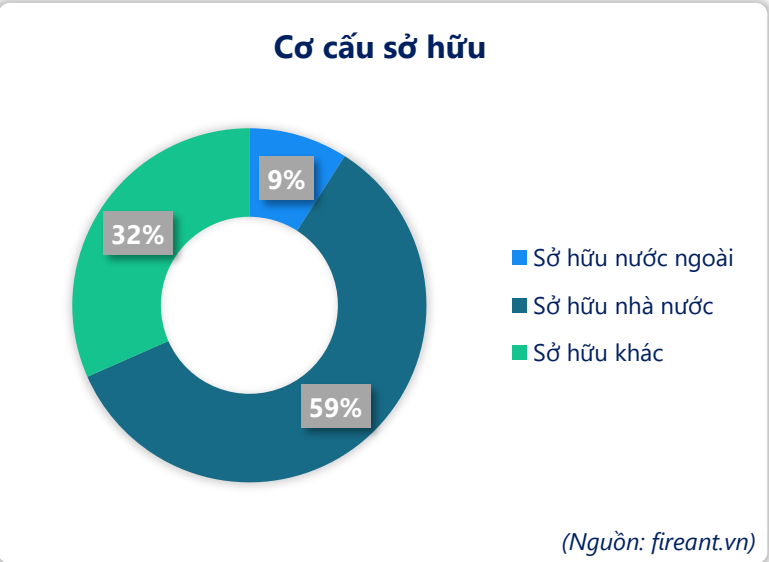
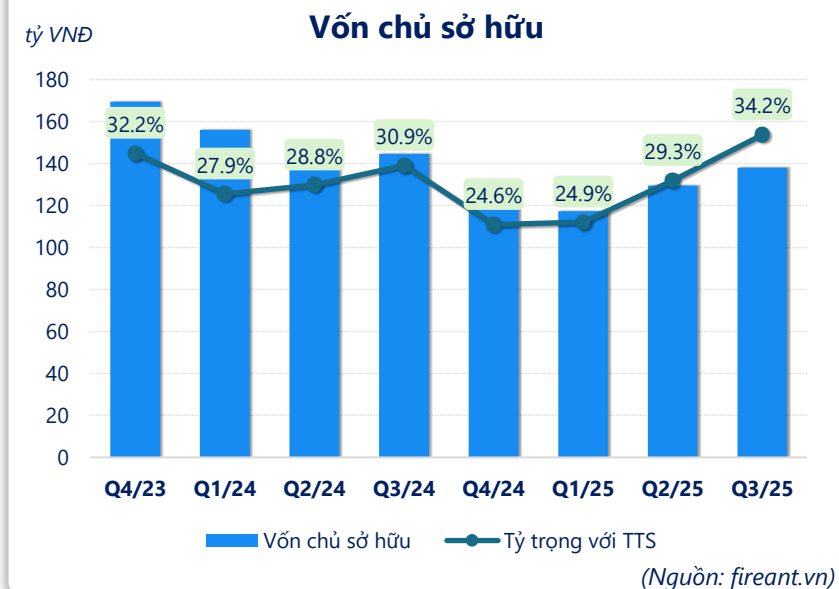
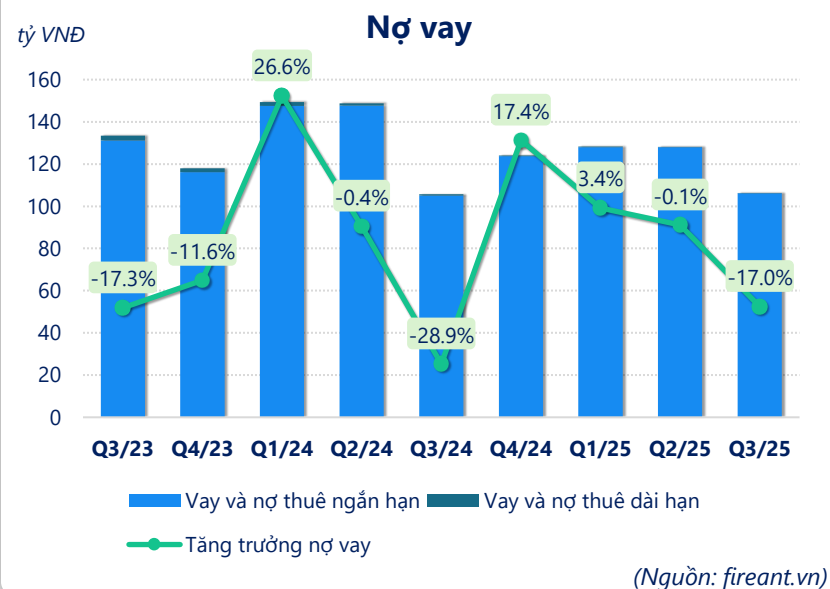
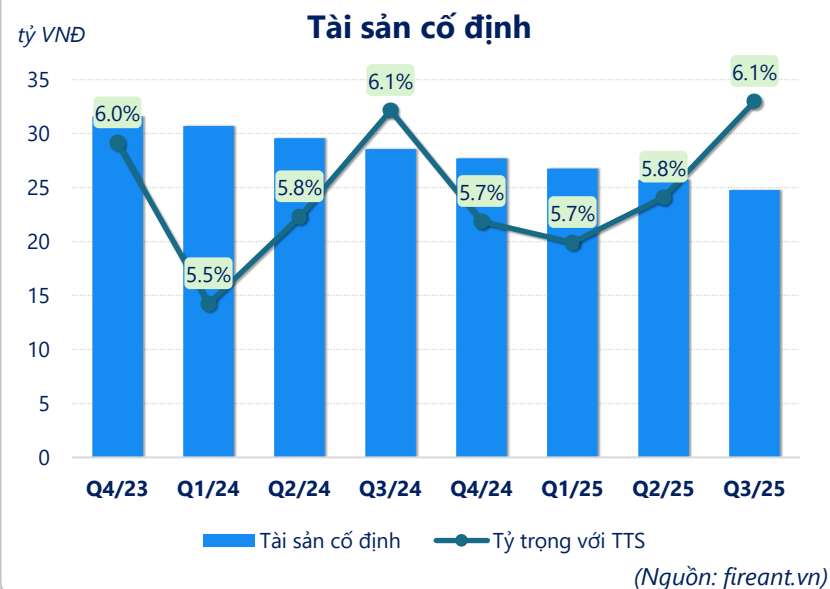
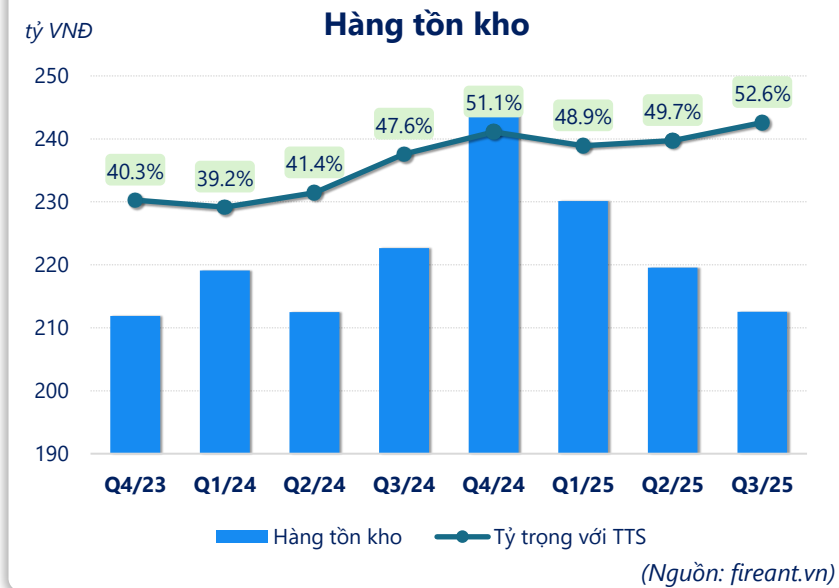
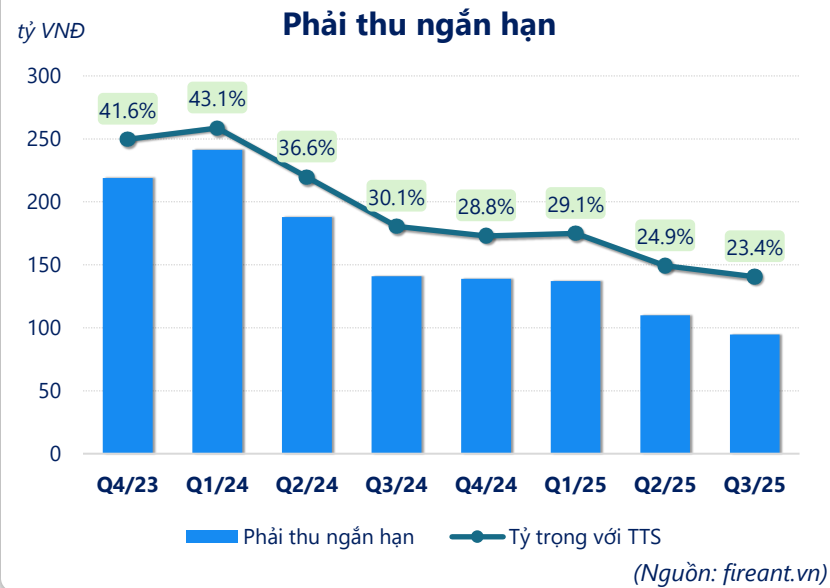
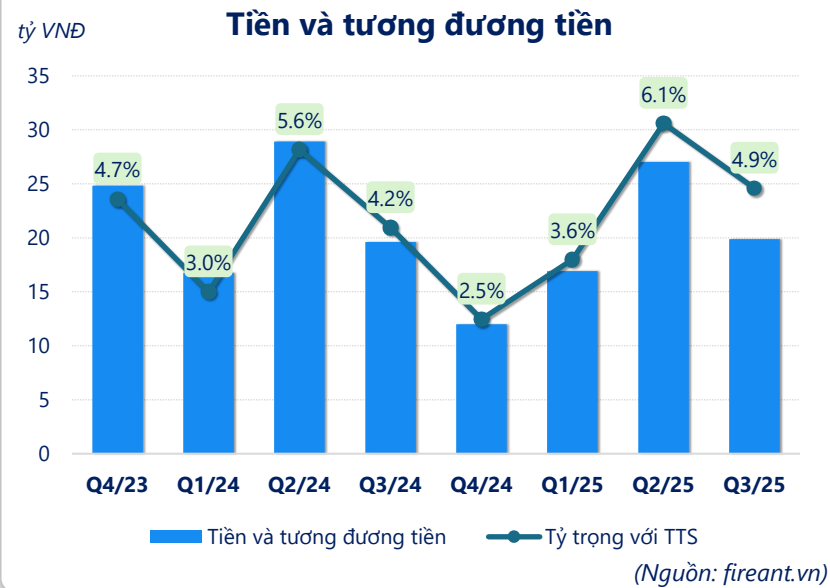
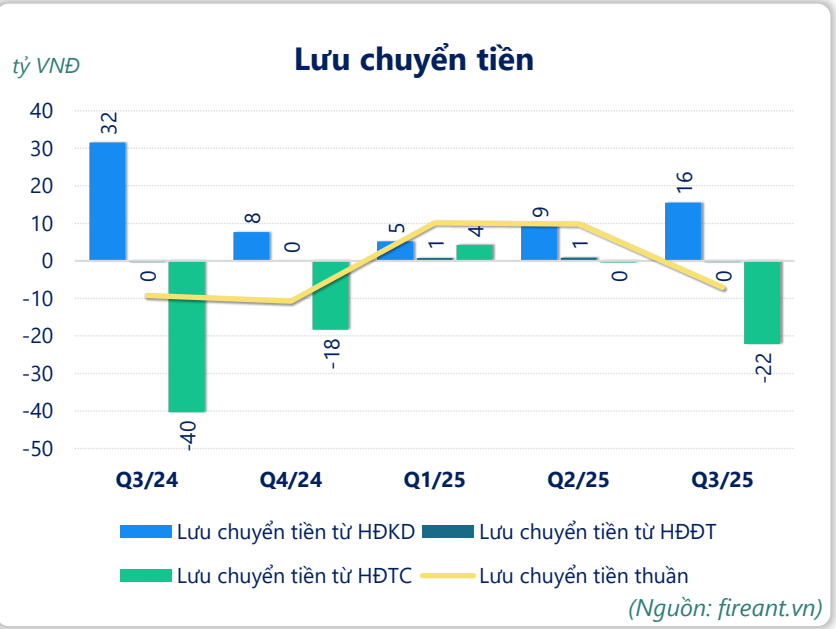
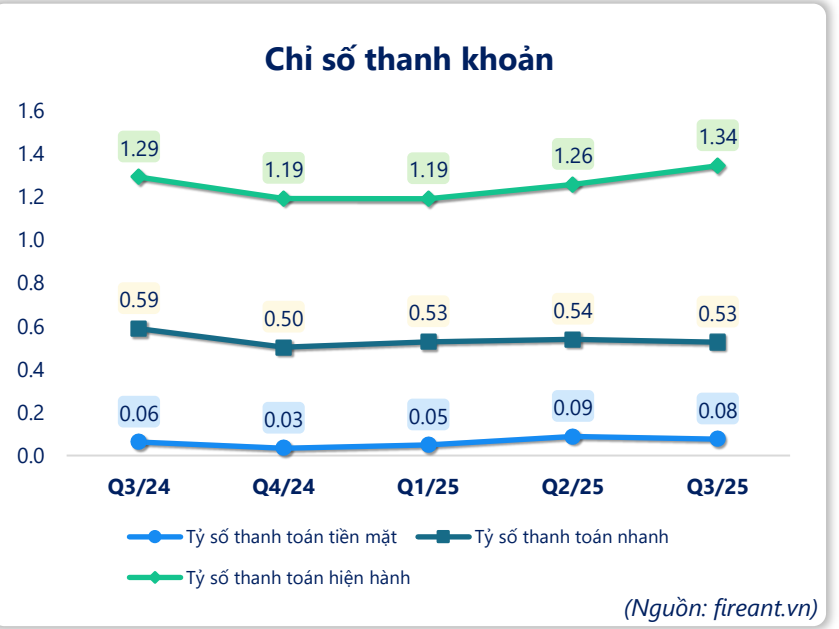
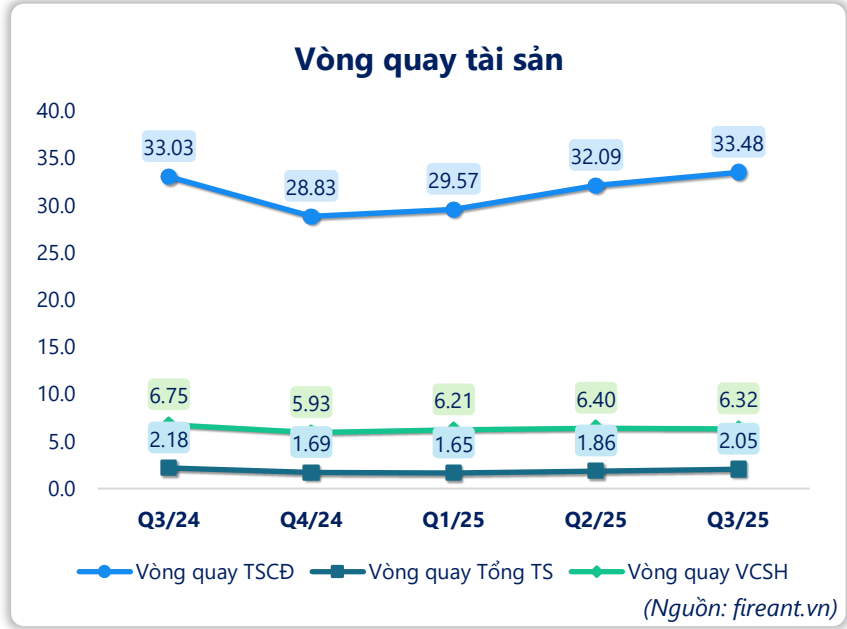
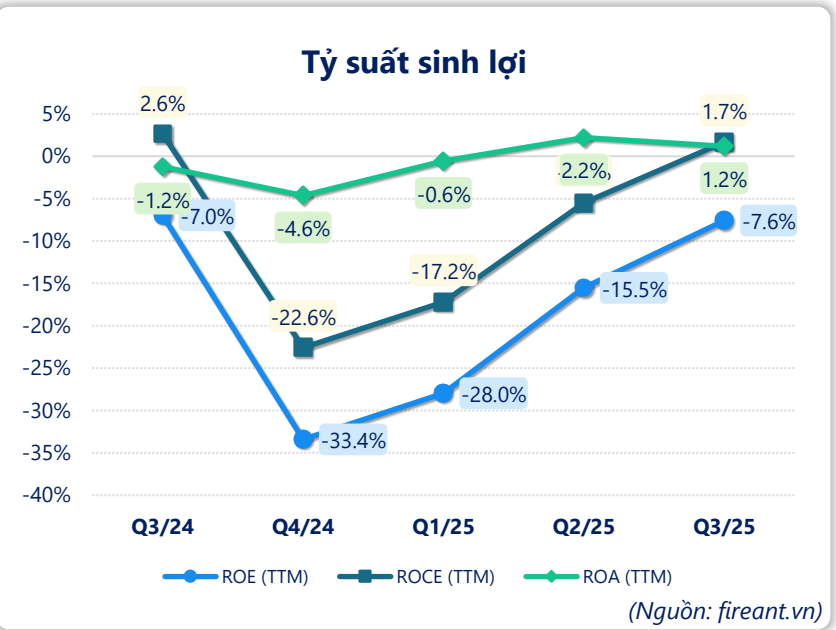
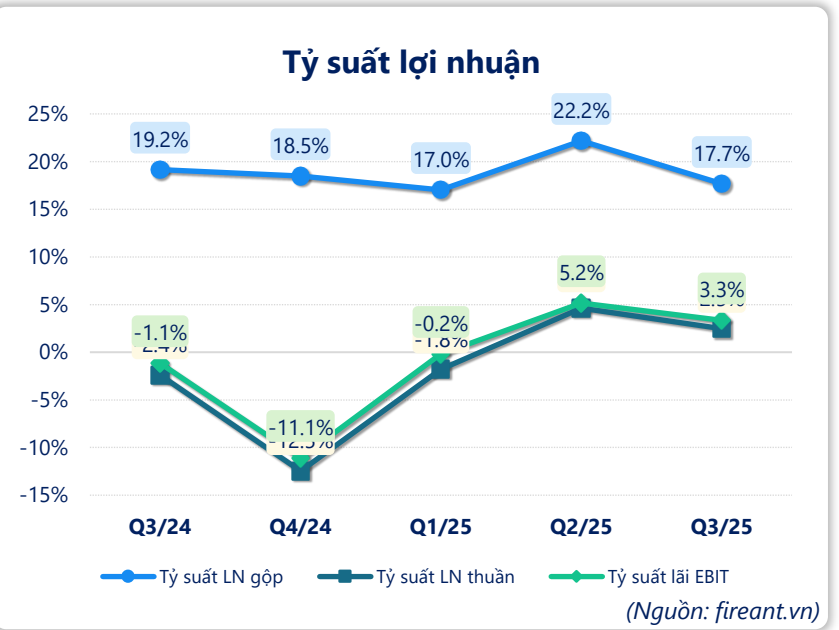
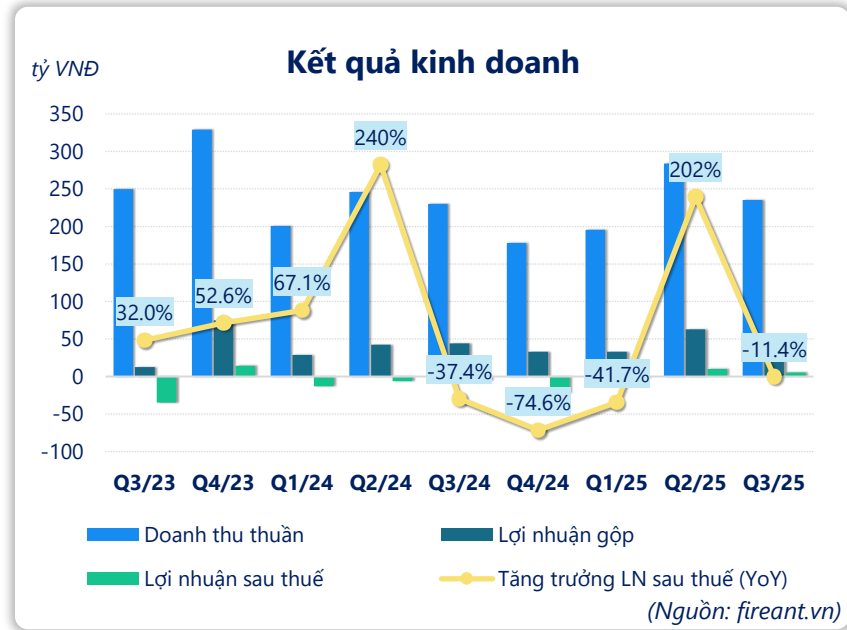


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		10,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		185
% sở hữu nước ngoài		9.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		96
P/E		-8.9
EPS		-1,018

	YTD	1T	3T	6T
SPC	7.1%	-6.2%	-7.1%	-9.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	404	451	-10.5%
Tài sản ngắn hạn	349	392	-10.9%
Tiền và tương đương tiền	19.9	6.67	198%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	5.25	0.0%
Phải thu ngắn hạn	94.6	114	-16.7%
Hàng tồn kho	213	239	-10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	27.6	-38.8%
Tài sản dài hạn	54.9	59.7	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.28	0.62	-54.4%
Tài sản cố định	24.8	27.7	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0.08	0.17	-52.6%
Tài sản dở dang	4.40	4.87	-9.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	25.4	26.4	-3.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	266	329	-19.0%
Nợ ngắn hạn	260	322	-19.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	124	-14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	119	165	-28.0%
Nợ dài hạn	6.45	6.68	-3.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.15	0.35	-55.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	123	12.4%
Vốn chủ sở hữu	138	123	12.4%
Vốn điều lệ	105	105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	230	178	196	284	235
Giá vốn hàng bán	186	145	162	221	194
Lợi nhuận gộp	44.1	32.9	33.3	62.9	41.6
Doanh thu HĐTC	4.96	1.26	1.71	3.74	3.66
Chi phí TC	13.1	10.9	10.2	20.0	12.5
Chi phí lãi vay	1.88	1.99	1.97	2.24	1.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	33.4	40.4	20.9	24.1	17.2
Chi phí QLDN	8.00	5.09	7.45	9.45	9.81
LN thuần từ HĐKD	-5.55	-22.2	-3.53	13.1	5.79
Lợi nhuận khác	1.05	0.47	1.23	-0.71	0.51
LN trước thuế	-4.50	-21.7	-2.30	12.4	6.30
Lợi nhuận sau thuế	-5.54	-22.1	-2.95	10.1	5.25
LNST của CĐ cty mẹ	-5.70	-23.4	-2.95	10.5	5.12

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.5	7.64	5.17	9.43	15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.40	0.02	0.72	0.80	-0.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.4	-18.4	4.22	-0.41	-22.2
Tiền đầu kỳ	29.1	19.6	6.67	16.9	27.2
Lưu chuyển tiền thuần	-9.25	-10.7	10.1	9.83	-7.07
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.30	3.12	0.13	0.41	-0.21
Tiền cuối kỳ	19.6	12.0	16.9	27.2	19.9

(Nguồn: fireant.vn)